TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-PT
Ngày: 22-9-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất"; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Đào Thị L**, sinh năm 1959; ông **Mai Hoàng S**, sinh năm 1958; địa chỉ: xã Th, huyện C, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Đào Văn Ng**, sinh năm 1970; địa chỉ: xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh – Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghịa vụ liên quan:*

- Ông **Đào Văn R**, sinh năm 1962; bà **Huỳnh Kim Ch**, sinh năm 1962; địa chỉ: phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh – Ông Rcó mặt.

- Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1938; bà **Đồng Thị Ch**, sinh năm 1951; địa chỉ: xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh – Tòa án không triệu tập.

- Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1972; bà **Huỳnh Thị Tr**, sinh năm 1970; địa chỉ: xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh - Tòa án không triệu tập.

Người kháng cáo: Bà Đào Thị L, ông Mai Hoàng S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S trình bày:

Vào năm 1985 ông bà có mua 05 công đất gò của ông Đào Văn R, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp Long Thời, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố Long Thời, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh). Trị giá đất 05 phân vàng 24 K, tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Khi mua có làm giấy tay ngày 20/7/1985 nhưng do giấy bị thất lạc nên ông bà có nói Ông Rviết lại giấy tay lần 2 vào khoảng năm 2012, 2013. Ông bà tiến hành trồng mì và trồng 250 cây cao su (năm 2010) và 01 căn nhà tranh. Nguồn gốc đất Ông Rbán cho ông bà là của bà Nguyễn Thị Ký (mẹ ông Rao, đã chết) cho Ông Rvào năm 1980. Tại thời điểm ông bà nhận chuyển nhượng từ Ông Rthì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1992 bà Ký đi đăng ký quyền sử đụng đất trong đó có phần đất của Ông Rbán cho ông bà. Năm 1994 ông bà đi làm giấy đất thì biết bà Ký đã đăng ký phần đất của ông bà. Sau đó ông bà có đến gặp bà Ký thì bà Ký cho biết bà Ký đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đã thế chấp cho ngân hàng và hẹn sau khi trả ngân hàng thì bà Ký sẽ sang tên cho ông bà.

Năm 1995 ông bà có cho vợ chồng ông Đào Văn Ng (em ruột bà) ở nhờ trên phần đất này. Sau đó, vợ chồng ông Ng xin ông bà cất nhà tạm trên đất nên ông bà đồng ý.

Năm 2007 bà Ký chết, ông Đào Văn Bình (con ruột bà Ký) lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngân hàng về làm thủ tục sang tên cho ông Bình. Phần đất của Ông Rbán cho ông bà thì ông Bình không sang tên mà vẫn để bà Ký đứng tên. Khi ông Bình sang tên thì không ai trong gia đình ông Bình báo cho ông bà biết để ông bà đi kê khai đăng ký phần đất đã mua của ông Rao.

Năm 2015 ông bà đến dự đám cưới của con ông Ng thì phát hiện việc ông Ng đi kê khai đăng ký đất. Ông Đào Văn Ng đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất số CH04244 diện tích 4128 m^2, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 15 và quyền sử dụng đất số CH042245 diện tích 444 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 15. Tổng cộng diện tích 02 thửa nói trên là 4572 m^2. Đến năm 2017 ông bà phát hiện ông Ng tự ý khai thác cao su của ông bà, sau đó hai bên xảy ra tranh chấp. Năm 2018 ông bà nộp đơn tại Ủy ban nhân dân xã Ph yêu cầu giải quyết vụ việc.

Hiện trạng phần đất và tứ cận đất không thay đổi nên ông bà yêu cầu sử dụng kết quả đo đạc theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 142/SĐ-HT ngày 04/10/2018 để giải quyết trong vụ án này. Ông bà yêu cầu ông Đào Văn Ng trả lại phần đất diện tích 444 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 15, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04245 ngày 18/9/2015 cấp cho ông Ng và diện tích 4128 m^2, thửa số 5, tờ bản đồ số 15, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04244 ngày 18/9/2015 cấp cho ông Ng và 250 cây cao su trên đất. Đất tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Đào Văn Ng trình bày:

Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S. Nguồn gốc phần đất diện tích 4572 m^2, thửa số 5, 7, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh do ông và bà Phạm Thị Kim Loan (vợ ông, đã ly hôn, hiện không biết sinh sống ở đâu) khai phá từ năm 1987. Hiện trạng đất lúc khai phá là cây rừng và gò mối. Đến năm 2000 ông ra Ủy ban nhân dân xã Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì biết bà Nguyễn Thị Ký đã đăng ký phần đất của vợ chồng ông. Đến năm 2005 bà Ký mới tách thửa ra cho ông. Do bận làm ăn không có thời gian đi làm sổ nên năm 2015 sau khi hai vợ chồng ly hôn và làm thủ tục chia tài sản thì ông đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định cho đến nay. Trên đất có trồng cao su do ông trực tiếp trồng. Năm 2018 bà L khởi kiện ông, đã tiến hành đo đạc và có kết quả theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 142/SĐ-HT ngày 04/10/2018. Hiện trạng và tứ cận đất không thay đổi so với năm 2018 nên ông đồng ý sử dụng kết quả đo đạc theo sơ đồ nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 01 năm 2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Đào Văn R trình bày:

Phần đất bà Đào Thị L và ông Đào Văn Ng đang tranh chấp có nguồn gốc do gia đình ông khai khẩn (chủ yếu do anh em ông khai khẩn, cha mẹ đứng chủ trì) vào năm 1981 tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T. Sau đó, cha mẹ ông cho ông phần đất này. Đến năm 1985 bà L lên ấp Bàu Đưng nói là không có đất nên ông bán lại cho bà L để cất nhà ở. Có làm giấy tay sang nhượng đất vào ngày 20/7/1985. Trị giá chuyển nhượng 05 phân vàng 24K 96%. Ông sinh sống tại ấp Bàu Đưng đến năm 1992 thì chuyển về thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh sinh sống. Khi đó ông không thấy ông Ng khai phá đất gì cả.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Kim Ch trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 1985 bà và ông Đào Văn R (chồng của bà) có bán 05 công đất cho bà Đào Thị L với giá là 05 phân vàng 24K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông không có ý kiến gì về sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 142 ngày 20/9/2018 của công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình An vì phần đất của ông sử dụng từ năm 1990 cho đến nay không tranh chấp với ai. Giữa ông và ông Ng đã thống nhất cắm trụ từ lâu. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà L và ông Ng thì ông không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Tr trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hữu T (chồng của bà) và không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hữu L và bà Đồng Thị Ch trình bày:

Ông bà không có ý kiến gì về sơ đồ đo đạc của công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình An. Ông bà không có tranh chấp với ông Ng vì đất có cắm trụ xác định ranh đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S đối với ông Đào Văn Ng về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Ông Đào Văn Ng được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 444 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 15, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04245 ngày 18/9/2015 cho ông Đào Văn Ng và diện tích 4128 m^2, thửa số 5, tờ bản đồ số 15, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04244 ngày 18/9/2015 cho ông Đào Văn Ng, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu T dài 17,3 m + 42,0 m;

Hướng Tây giáp đường xe dài 30,21 m + 15,34 m + 10,55 m;

Hướng Nam giáp đường xe dài 10,84 m + 35,26 m + 6,15 m + 15,66 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu L dài 49,82 m + 34,25 m.

Đất tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 142/SĐ- HT ngày 02/8/2018 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình An).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 27 tháng 6 năm 2022 của bà Đào Thị L, ông Mai Hoàng S gửi đến Tòa án nhân dân huyện T ngày 06-7-2022; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà, phần đất ông Đào Văn Ng đang quản lý sử dụng là của vợ chồng bà. Tại phiên tòa ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Bà L cho rằng bà mua đất của ông Rao, nhưng người ở trên đất là ông Ng từ năm 1993, 1994 đến năm 2004 ông Ng xây nhà kiên cố, năm 2010 ông Ng trồng cao su. Ông Ng đã quản lý và sử dụng đất ổn định cho đến nay. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bà L, ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm ngày 24-6-2022 ngày 06-7-2022 Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng cáo của bà Đào Thị L, ông Mai Hoàng S đề ngày 27-6-2022; ngày 07-7-2022 bà L, ông S có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí kháng cáo. Xét thấy việc kháng cáo của ông S bà L là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà L, ông S:

Bà L, ông S cho rằng phần đất diện tích 4572 m^2, thửa số 5, 7, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc là do ông bà sang nhượng của Ông Rvào ngày 20/7/1985. Năm 1995 ông bà có cho vợ chồng ông Ng ở nhờ trên đất. Năm 2015 bà biết ông Ng đi kê khai đăng ký đất; năm 2017 ông Ng tự ý khai thác cao su của ông bà nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Ông Ng cho rằng nguồn gốc phần diện tích đất trên là do vợ chồng ông khai phá. Năm 2000 ông ra Ủy ban nhân dân xã Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì biết bà Nguyễn Thị Ký đã đăng ký phần đất này. Đến năm 2005 bà Ký tiến hành tách thửa cho ông. Do bận làm ăn đến năm 2015 ông đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Văn bản tự thỏa thuận phân chia tài sản của ông Ng và bà Phạm Thị Kim Loan ngày 24-9-2014 được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T chứng thực có nội dung thể hiện giao lại phần đất diện tích 4572 m^2, thửa số 5, 7, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh giao cho ông Ng.

Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đào Văn Ng ngày 15-4-2015 nội dung ngườn gốc căn cứ vào văn bản tự thỏa thuận số 99/2014 được Ủy ban nhân dân xã Ph chứng thực ngày 24-9-2014.

Ngày 18-9-2015 ông Đào Văn Ng được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04245 phần đất diện tích 444 m^2 thửa 7, tờ bản đồ 15; CH 04244 phần đất diện tích 4.128 m^2 thửa 5 tờ bản đồ 15.

Đối với các lời khai của những người làm chứng như: ông Nguyễn Văn Chương xác định năm 1983 ông có làm thuê cho ông S chồng bà L phát hoang (BL 115); bà Nguyễn Thị Kim Quang xác nhận năm 1984 ông Tạo có đi trồng mì và nhổ mì thuê cho vợ chồng bà L, năm 2010 có trồng cao su cho bà L (BL 114), ông Đào Văn Thanh xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của Ông Rbán cho bà L, năm 2000 ông từ Trảng Bàng về sinh sống tại địa phương thì có ông Ng sinh sống trên đất (BL113);

Ông Nguyễn Hữu L xác định khoản năm 1991-1992 thấy vợ chồng ông Ng đến ở trên đất, còn việc bán hay cho ở nhờ thì ông không biết(BL112); ông Nguyễn Hữu T xác định ông Ng đến sống tại đây từ khoảng năm 1991-1992, trồng cao su là vợ chồng ông Ng trồng, không thấy vợ chồng bà L (BL 111); Phạm Thị Kim Quyên vợ ông Đào Văn Bình cho biết năm 1994-1995 thấy vợ chồng ông Ng sống trên đất, lý do vợ chồng ông Ng đến sống thì không biết, cao su là do vợ chồng ông Ng trồng (BL 110); Đào Văn Bạch xác định lý do vì sao ông Ng đến ở thì ông không biết, cao su thì do vợ chồng ông Ng trồng và chăm sóc, không thấy vợ chồng bà L(BL 109); ông Võ Minh Nhã: từ năm 1994 đến nay ông chỉ thấy vợ chồng ông Ng ở trên đất, không thấy vợ chồng bà L đến canh tác (BL 108); ông Đào Thanh Thuận xác nhận năm 2010 ông là người trực tiếp mua cây cao su cho ông Ng và ông Ng tự trồng (BL 107)

Đối với những lời khai này không thống nhất với nhau, một số người làm chứng cho bà L, một số làm chứng cho ông Ng. Do đó không có cơ sở để xem xét đánh giá căn cứ dựa trên những lời khai này.

Căn cứ vào quá trình sử dụng đất ổn định của ông Ng, ông Ng là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Tại phiên tòa sơ thẩm bà L cũng thừa nhận năm 2004 ông Ng có xây nhà ở kiên cố trên đất.

Từ các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, ông S là có căn cứ đúng pháp luật.

Bà L, ông S kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ khác, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà;

[3] Về án phí: Do bà Đào Thị L, ông Mai Hoàng S là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị L, ông Mai Hoàng S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S đối với ông Đào Văn Ng về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Ông Đào Văn Ng được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 444 m^2, thửa số 7, tờ bản đồ số 15, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04245 ngày 18/9/2015 cho ông Đào Văn Ng và diện tích 4128 m^2, thửa số 5, tờ bản đồ số 15, được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04244 ngày 18/9/2015 cho ông Đào Văn Ng, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu T dài 17,3 m + 42,0 m;

Hướng Tây giáp đường xe dài 30,21 m + 15,34 m + 10,55 m;

Hướng Nam giáp đường xe dài 10,84 m + 35,26 m + 6,15 m + 15,66 m;

Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu L dài 49,82 m + 34,25 m.

Đất tọa lạc tại ấp Bàu Đưng, xã Ph, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 142/SĐ- HT ngày 02/8/2018 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình An).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá:

Buộc bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá. Ghi nhận bà L ông S đã nộp xong.

3. Về án phí:

Bà Đào Thị L và ông Mai Hoàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm do được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND. H T;
- Chi cục THADS. H T;
- Phòng KTNV. TATN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Diệp